

GIẤY MỜI

Trân trọng kính mời các đồng chí dự Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 11 (*khóa IV*), nhiệm kỳ 2020 - 2025 (*mở rộng*); nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm cụ thể như sau:

I. Nội dung

** Thảo luận và cho ý kiến vào các dự thảo:*

- Chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về chuyển đổi số trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đam Rông giai đoạn 2022-2030.

- Chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông.

- Chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông.

II. Thành phần, kính mời

- Đồng chí Bí thư Huyện ủy, các Phó Bí thư Huyện ủy,

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (*khóa IV*), nhiệm kỳ 2020 - 2025,

- Trưởng (hoặc phó phụ trách) các phòng ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, các đơn vị (*kể cả ngành dọc*) đóng chân trên địa bàn huyện,

- Bí thư các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,

- Các đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy các xã,
- Các đồng chí Chủ tịch HĐND, UBND các xã,
- Đồng chí quyền Chủ tịch UBND xã Đạ R'sal,
- Các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy,
- Các đồng chí Tổ thư ký, Tổ giúp việc Hội nghị (có danh sách kèm theo).

III. Thời gian và địa điểm

+ Thời gian: **Bắt đầu lúc 07 giờ 30', ngày 23 tháng 8 năm 2022.**

+ Địa điểm: **Hội trường Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện.**

(Tài liệu Hội nghị Văn phòng Huyện ủy gửi cùng Giấy mời đề nghị các đồng chí nghiên cứu trước và mang theo khi tham dự Hội nghị).

Đề nghị các đồng chí sắp xếp công việc, tham dự đúng thành phần, thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Như thành phần,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phan Thị Cẩm



DANH SÁCH CHIA TỔ THẢO LUẬN
Hội nghị BCH Đảng bộ huyện lần thứ 11

STT	Tổ 1	Tại Hội trường Huyện ủy - UBND huyện
1	Đồng chí: Lê Ích Nghĩa (Tổ trưởng)	Mời đồng chí: Nguyễn Văn Lộc - Bí thư Huyện ủy
2	Tổ thư ký: Đồng chí: Nguyễn Văn Quang – TP VHTT Đồng chí: Dương Thái Hội – PCVP Huyện ủy <i>* Bộ phận giúp việc:</i> Đồng chí: Nguyễn Thị Châm - CV VPHU; Đồng chí: Phạm Văn Du – CV Phòng Nội vụ	Mời đồng chí: Trần Đức Tâm – PCT UBND huyện Lãnh đạo: Ban Tổ chức Huyện ủy; Văn phòng HU; Hội Nông dân; Huyện đoàn; các phòng, ban: Văn hóa- Thông tin, Y tế, LĐ&TBXH, Trung tâm VHTT&TT; Tòa án; Trường THPT Phan Đình Phùng, Bảo hiểm xã hội, Điện lực Đam Rông. <i>* Các xã: Phi Liêng; Đạ Tông</i>
	Tổ 2	Tại Phòng họp số 1 UBND huyện
1	Đồng chí: Nguyễn Quốc Hương – UVBTV- Trưởng ban Dân vận – CT UBMTTQVN huyện (Tổ trưởng)	Mời Đồng chí: Liêng Hót Ha Hai - Phó Chủ tịch UBND huyện
2	Tổ thư ký: Đồng chí: Dương Tất Phong – HUV- Trưởng phòng LĐ&TBXH Đồng chí: Phan Văn Đáng – PCVP HĐND&UBND huyện	Lãnh đạo: Ban Dân vận Huyện ủy; các Ban HĐND huyện; Hội CCB, Liên đoàn lao động huyện; các phòng, ban: TNMT, Văn Phòng đăng ký đất đai; Trung tâm y tế; Ban QLRPH Sêrepôk, Viện kiểm sát, Trường THPT Nguyễn Chí Thanh, Ngân hàng chính sách; VNPT Đam Rông. <i>* Các xã: Liêng S'rôn, Rô Men</i>
3	<i>* Bộ phận giúp việc:</i> Đồng chí: Nguyễn Đình Toàn – CV VPHU Đồng chí: Nguyễn Quốc Cường - CV VPHĐND&UBND	

STT	Tổ 3	Tại phòng họp BTV Huyện ủy
1	Đồng chí: Trương Văn Sáng – UVBTV – Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy (Tổ trưởng)	Mời Đồng chí: Đa Cát K’ Hương - Phó Bí thư Huyện ủy
2	Tổ thư ký: Đồng chí: Nguyễn Văn Chính – Trưởng phòng NN&PTNT	Lãnh đạo: UBMTTQ huyện; UBKT Huyện ủy; Hội chữ thập đỏ; Các phòng, ban, đơn vị: Ban CHQS huyện; Văn phòng HĐND&UBND huyện, Tư pháp, Nông Nghiệp & PTNT; Ban QLDA&TXD&CTCC; Hạt Kiểm lâm, Chi cục Thi hành án dân sự, Trường THPT Đa Tông, Trung tâm Nông nghiệp, Ngân hàng Nông nghiệp PTNT, nhà máy nước Đam Rông.
3	Đồng chí: Trần Đức Phát – PCVP Huyện ủy <i>* Bộ phận giúp việc:</i> Đồng chí: Bùi Thị Hoàng Anh - CV Ban Tuyên giáo HU. Đồng chí: Nông Hải Nam - CV VPHĐND&UBND;	* Các xã: Đa K’nang, Đa Long
STT	Tổ 4	Tại Phòng họp số 2 UBND huyện
1	Đồng chí: Trần Phú Vinh (Tổ trưởng)	Mời Đồng chí: Trương Hữu Đồng – Phó Bí thư Huyện ủy – CT UBND huyện
2	Tổ thư ký: Đồng chí: Đinh Huy Thắng – HUV – Trưởng phòng Nội vụ (Tổ phó)	Lãnh đạo: Ban tuyên giáo Huyện ủy; Trung tâm Chính trị; Hội LHPN; Hội chữ thập đỏ; Các phòng, ban, đơn vị: Công an huyện, Tài chính – Kế hoạch, Giáo dục, Thanh tra; Nội vụ Trung tâm GDNN-GDTX; Ban QLRPH Phi Liêng, Trường PT DTNT-THCS, Kho bạc nhà nước, Chi cục thuế khu vực Lâm Hà – Đam Rông
3	Đồng chí: Nguyễn Xuân Đỉnh – PCVP HĐND&UBND huyện <i>* Bộ phận giúp việc:</i> Đồng chí: Hà Minh Tự - CV VPHĐND&UBND; Đồng chí: Nguyễn Vũ Hoài – CV Phòng Nội vụ	* Các xã: Đa R’sal, Đa M’rông

Tổ trưởng Tổ thư ký: Đồng chí Phan Thị Cẩm – HUV – Chánh Văn phòng Huyện ủy

TỜ TRÌNH
Về Chương trình hành động
chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
trên địa bàn huyện Đam Rông

Kính gửi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động về Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy đã sao gửi tới các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy dự thảo Chương trình hành động để các đồng chí nghiên cứu, góp ý. Trên cơ sở ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy phối hợp với UBND huyện hoàn chỉnh dự thảo Chương trình hành động về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông. Dự thảo Chương trình hành động gồm các nội dung chính như sau:

1. Tình hình

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đánh giá toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của nhà nước, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thương mại điện tử, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

Bám sát quan điểm văn kiện và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về đẩy mạnh chuyển đổi số; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 12 NQ/TU ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để xác định rõ lộ trình, nguồn lực triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn địa phương và có tính khả thi cao, cụ thể:

- Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của hệ thống chính trị và toàn xã hội, chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân phải thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật, áp dụng mạnh mẽ thành tựu tiên tiến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm có tiềm năng, lợi thế làm động lực cho tăng trưởng. Thực hiện chuyển đổi số kết hợp chặt chẽ giữa sáng tạo và phát huy nội lực, hướng đến phát triển ổn định, bền vững đất nước nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng.

- Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền cần nhận thức sâu sắc, toàn diện về chuyển đổi số; xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với từng giai đoạn; chỉ đạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực triển khai chuyển đổi số đồng bộ, sâu rộng đến các cấp, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

2.2. Mục tiêu

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng chính quyền số nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cơ quan nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ thuận tiện mọi lúc, mọi nơi; phát triển mạnh kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, góp phần thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025. Phấn đấu đến năm 2030, huyện Đam Rông cơ bản hoàn thiện và nâng cao các chỉ số về chính quyền số, xã hội số.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự thảo Nghị quyết đã đề ra 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện trong thời gian tới

Ban Thường vụ huyện ủy báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xem xét, cho ý kiến.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông).

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTVHU,
- Các đồng chí huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K' Hương



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐAM RÔNG
Thực hiện Nghị quyết số 12 - NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về chuyển
đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; căn cứ tình hình thực tiễn của huyện Đam Rông, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đam Rông xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của Chính quyền các cấp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.

- Nhằm đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền huyện Đam Rông, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thương mại điện tử, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Căn cứ tình hình thực tiễn, đặc điểm kinh tế - xã hội của huyện, của từng địa phương tổ chức triển khai Nghị quyết đạt mục tiêu đề ra, nhằm xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số thống nhất, thông suốt đối với chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Lâm Đồng.

- Xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết để tổ chức thực hiện. Phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan chịu trách nhiệm triển khai và đề ra lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành.

Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành thống nhất nhận thức, hành động và xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về chuyển đổi số, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

II. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016 - 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAM RỒNG

- Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, công tác ứng dụng công nghệ thông tin triển khai chính quyền điện tử, triển khai chuyển đổi số đã được quan tâm triển khai và đạt được những kết quả quan trọng:

- Hệ thống mạng băng rộng cáp quang, mạng di động 3G, 4G đã được phủ sóng đến 100% các xã trên địa bàn, đảm bảo thông tin liên lạc luôn thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, thông tin liên lạc của Nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu truy nhập tốc độ cao của các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% cơ quan, đơn vị cấp huyện, các xã có hạ tầng CNTT không chỉ đảm bảo cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc mà còn phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc thông qua môi trường mạng. Một số ứng dụng CNTT đã được triển khai kết nối đồng bộ từ cấp Trung ương, cấp tỉnh đến cơ sở như: Đã kết nối LGSP của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hệ thống báo cáo của tỉnh được triển khai cho 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đáp ứng các yêu cầu về nghiệp vụ báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin được quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ; phần mềm quản lý văn bản và điều hành; trực liên thông văn bản; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến; cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực... Đây là các hạ tầng nền tảng để phát triển chính quyền điện tử các cấp theo tinh thần Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 29/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại hạn chế đó là: Việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ

liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số còn chậm, thiếu đồng bộ; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn ngại làm việc trên môi trường mạng, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao để tham mưu, triển khai các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và vận hành, khai thác có hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin; công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin còn bị động và chưa được quan tâm đúng mức.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế trên là do: Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, chưa quyết tâm cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; việc triển khai có nơi mang tính hình thức, đối phó; chưa phát huy vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện, chưa có chế tài cụ thể để đảm bảo thực thi nhiệm vụ; chưa xác định rõ lộ trình, nguồn lực và các mục tiêu ưu tiên cần triển khai thực hiện; công tác tuyên truyền và huy động các nguồn lực xã hội còn hạn chế.

III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Bám sát quan điểm Văn kiện và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII “*Về đẩy mạnh chuyển đổi số*”; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “*Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 12 NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “*Về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” để xác định rõ lộ trình, nguồn lực triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn địa phương và có tính khả thi cao, cụ thể:

- Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của hệ thống chính trị và toàn xã hội, chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân phải thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật, áp dụng mạnh mẽ thành tựu tiên tiến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm có tiềm năng, lợi thế làm động lực cho tăng trưởng. Thực hiện chuyển đổi số kết hợp chặt chẽ giữa sáng tạo và phát huy nội lực, hướng đến phát triển ổn định, bền vững đất nước nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng.

- Chuyển đổi số, trước tiên là chuyển đổi nhận thức, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền cần nhận thức sâu sắc, toàn diện về chuyển đổi số; xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với từng giai đoạn; chỉ đạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực triển khai chuyển đổi số đồng bộ, sâu rộng đến các cấp, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Xác định người dân là trung tâm chuyển đổi số. Tăng cường công khai, minh bạch, khuyến khích sự tham gia và giám sát của người dân, cộng đồng trong hoạch định và thực thi chính sách; giảm thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số, thuận tiện, dễ sử dụng; trang bị kỹ năng số cho người dân, xây dựng và hình thành văn hóa số trong xã hội.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý, ban hành giải pháp phù hợp, tạo động lực cho chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các ứng dụng, dịch vụ; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là yếu tố xuyên suốt, không thể tách rời để chuyển đổi số thành công và bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng chính quyền số nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cơ quan Nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ thuận tiện mọi lúc, mọi nơi; phát triển mạnh kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, góp phần thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phấn đấu đến năm 2030, huyện Đam Rông cơ bản hoàn thiện và nâng cao các chỉ số về chính quyền số, xã hội số.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- *Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*

+ 100% các văn bản, tài liệu chính thức không mật (theo quy định) trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan Đảng và giữa cơ quan Đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

+ 100% cơ quan đảng các cấp của huyện sử dụng cổng thông tin điện tử có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền Web.

+ 100% tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định số hoá tài liệu.

- Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

+ Tối thiểu 80% và phấn đấu 90% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ Tối thiểu 80% và phấn đấu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước*).

+ 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Phấn đấu chuyển đổi đạt 100% Đài truyền thanh cơ sở hiện tại qua hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông.

+ Phấn đấu 60 % số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang dữ liệu điện tử để lưu trữ vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu.

+ Đến năm 2025, ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn được thực hiện trực tiếp trên môi trường điện tử.

- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

+ Từng bước hình thành và phát triển lĩnh vực hoạt động kinh tế số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 10%.

+ Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 7%.

- Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt 50% trở lên.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

+ Huyện Đam Rông phần đầu nằm trong nhóm giữa các huyện, thành phố của tỉnh về chuyển đổi số.

2.2.2. Mục tiêu đến năm 2030.

- Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

+ Tối thiểu 90% và phần đầu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước*).

+ Phần đầu số hóa 100 % hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang dữ liệu điện tử để lưu trữ vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu.

+ Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

+ Phần đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 20%.

+ Năng suất lao động hằng năm tăng bình quân 8%.

- Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

+ Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt trên 70%.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức cấp ủy, chính

quyền, cán bộ, công chức và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số và thực hiện chuyển đổi số trên tinh thần “*nhận thức*” là quyết định, “*người dân*” là trung tâm, “*thể chế và công nghệ số*” là động lực “*nền tảng số*” là đột phá “*an toàn, an ninh*” là then chốt “*chính quyền*” là tiên phong, sự vào cuộc và quyết tâm cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm về chuyển đổi số trong cơ quan, lĩnh vực và địa bàn phụ trách; gắn mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với Nghị quyết, Chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững; đẩy mạnh thanh toán điện tử, phát triển thương mại điện tử.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

- Tổ chức triển khai hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình chuyển đổi số quốc gia và các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào huyện; thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

1.3. Đầu tư phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin theo nguyên tắc đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, tăng cường dùng chung hạ tầng thông tin, tránh đầu tư trùng lặp. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, nền tảng số tăng cường bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên toàn huyện. Ưu tiên phát triển hạ tầng băng thông rộng bắt đầu từ các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn huyện.

- Chuyển đổi mạng Internet của huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới; mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp

cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, môi trường.

1.4. Phát triển dữ liệu

- Xây dựng, hoàn thiện CSDL các ngành, lĩnh vực; sớm hoàn thành đưa vào sử dụng kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh phục vụ khai thác, xử lý, phân tích, hỗ trợ ra quyết định.

- Xây dựng, chuẩn hóa các CSDL nền, chuyên ngành và quản lý Nhà nước. xây dựng, chuẩn hóa một số cơ sở dữ liệu về công tác tổ chức xây dựng Đảng. Hoàn thiện CSDL dân cư, doanh nghiệp, tiến hành kết nối, đồng bộ với CSDL quốc gia; tập trung hoàn thiện CSDL đất đai; phát triển CSDL hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy, chữa cháy, viễn thông, lưới điện...Nâng cấp, mở rộng bản đồ nền GIS áp dụng cho các dữ liệu không gian chuyên ngành.

1.5. Phát triển nền tảng số

- Triển khai nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả; xác định danh sách các nền tảng số dùng chung như: Thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, đô thị, ngân hàng số và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

- Triển khai, áp dụng các nền tảng số doanh nghiệp như: Quản trị doanh nghiệp; hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tích hợp dữ liệu và phân tích kinh doanh theo nhiều hình thức (*nguồn mở, thuê dịch vụ...*) phù hợp từng loại hình doanh nghiệp; thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán, nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công và các giao dịch dân sự.

1.6. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Triển khai hiệu quả việc giám sát thông tin mạng xã hội; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thông tin trên không gian mạng. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, nền tảng số tăng cường công tác bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin.

- Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn huyện nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin.

- Tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai các chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài huyện để đào tạo, thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực CNTT chất lượng cao đến đầu tư, sống và làm việc tại huyện.

- Bổ sung nội dung đào tạo kỹ năng số phù hợp trong các cấp học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp để trang bị cho học sinh, sinh viên kỹ năng thích nghi, sẵn sàng cho môi trường số.

1.8. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

- Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyển đổi số, đô thị thông minh. Tăng cường hợp tác, huy động nguồn lực nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, mô hình mới theo nhiều hình thức. Ưu tiên triển khai và ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học có sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu một số công nghệ lõi có thể đi tắt đón đầu, có khả năng bứt phá mạnh mẽ như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường.

- Tạo điều kiện, khuyến khích hình thành, mở rộng các vườn ươm doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm hỗ trợ, ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo hình thành, phát triển.

2. Phát triển chính quyền số

2.1. Triển khai thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ. Đưa toàn bộ dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4.

2.2. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Thông tin và truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan Nhà nước (*trừ các tài liệu mật*) theo quy định.

2.3. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước.

3. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đảm bảo thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Đặc biệt cần tiên phong thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Đảng từ cấp huyện đến cơ sở; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc và cải cách hành chính trong Đảng. Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số. Trong đó, tập trung xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của huyện để phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý cụ thể như: Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị của huyện, nhất là việc lưu trữ, cập nhật hồ sơ cán bộ từ đó khai thác, sử dụng đồng bộ, hiệu quả; quản lý công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn toàn huyện; hệ thống tiếp nhận, phản hồi thông tin (*văn bản, phản ánh, kiến nghị, hình ảnh, video ...*) từ các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân gửi đến các cơ quan đảng huyện nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số. Đổi mới cách thức và phát huy hiệu quả nền tảng số để triển khai các nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; công tác nắm bắt dư luận xã hội, Lịch sử Đảng; định hướng thông tin, quản lý báo chí; lĩnh vực khoa giáo, hoạt động thông tin đối ngoại và nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

4. Phát triển kinh tế số

4.1. Thúc đẩy phát triển kinh tế số; trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, công nghiệp 4.0, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia

sẽ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

4.2. Phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, gồm: Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ lớn chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực công nghệ số, đầu tư nghiên cứu công nghệ lõi; doanh nghiệp công nghệ thông tin tiên phong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số; doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới; doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

4.3. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ phục vụ nhu cầu của xã hội, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số.

4.4. Phát triển thương mại điện tử: Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị. Các nhà sản xuất lớn, nhà phân phối vừa và nhỏ, nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, Công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng; tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

4.5. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và doanh nghiệp công nghệ số: Triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển doanh nghiệp số Việt Nam trên địa bàn huyện. Trong đó, tập trung phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin truyền thông, doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ số.

5. Phát triển xã hội số

5.1. Tích cực phổ biến, tuyên truyền các lợi ích chuyển đổi số, nhất là cơ hội bình đẳng về tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, góp phần thu hẹp khoảng cách số, tiến đến trở thành công dân số.

5.2. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận; tuyên truyền về bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

5.3. Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển hệ sinh thái các ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân điện tử, sử dụng hệ thống thông tin chính quyền điện tử và các dịch vụ số của huyện. Hướng dẫn, tuyên truyền rộng rãi để người dân, doanh nghiệp, du khách tiếp cận, sử dụng các sản phẩm công nghệ số của huyện.

5.4. Tăng cường đầu tư quảng bá trên không gian mạng về các sản phẩm văn hóa lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh, văn hóa con người thân thiện, văn minh, cởi mở, đồng thời tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

6. Chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên

6.1. Lĩnh vực y tế: Đẩy mạnh triển khai nền tảng đăng ký bốc số khám bệnh từ xa góp phần cải cách hành chính, giảm tải cơ sở y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh, hệ thống chăm sóc sức khỏe, y tế công cộng dựa trên nền tảng công nghệ số; triển khai phần mềm Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, xử phạt hành chính vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

6.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng nhất là người dân ở vùng khó khăn. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

6.3. Lĩnh vực nông nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng: Phát triển nông nghiệp công nghệ, nông nghiệp thông minh, ứng dụng phần mềm Cổng thông tin nông sản và Bản đồ sản lượng nông sản nhằm phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu người nông dân, kết nối người nông dân và chuyên gia nông nghiệp. Triển khai các ứng dụng công tác quản lý rừng.

6.4. Lĩnh vực văn hóa, du lịch: Tăng cường đầu tư quảng bá các sản phẩm văn hóa, lịch sử; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Đam Rông thân thiện, văn minh trên không gian mạng, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội. Triển khai nền tảng Cơ sở dữ liệu du lịch huyện Đam Rông.

6.5. Lĩnh vực tài chính: Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc.

6.6. Lĩnh vực giao thông - vận tải: Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện giao thông.

6.7. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu dùng chung với các hệ thống thông tin quốc gia và các ngành, lĩnh vực khác.

6.8. Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: Tăng cường ứng dụng công nghệ số, nền tảng thu thập, phân tích dữ liệu phục vụ hoạch định tối ưu nguồn lực, hỗ trợ quản lý, điều hành, giám sát, điều khiển tự động các hệ thống, dây chuyền sản xuất công nghiệp.

6.9. Lĩnh vực xây dựng: Số hóa các hồ sơ quy hoạch nhằm cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư theo đúng quy định; tích hợp thông tin pháp lý đối với công tác quản lý dân cư, đất đai, giao thông và các dịch vụ công trong đô thị; cải cách hành chính, hiện đại hóa và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

6.10. Lĩnh vực công nghệ thông tin: Hoàn thiện trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ chính quyền số, số hóa dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, số hóa các quy trình nghiệp vụ; ưu tiên vận hành hệ thống giao ban điện tử trực tuyến (hội nghị truyền hình) từ cấp tỉnh đến cấp huyện, từ cấp huyện đến cấp xã và “nâng cấp, xây dựng mạng truyền số liệu chuyên dùng cơ quan đảng, nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện và từ cấp huyện đến cấp xã trên địa bàn huyện.

7. Nguồn lực chuyển đổi số

Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp tác khác, Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số do cơ quan Nhà nước chủ trì thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức cơ sở Đảng triển khai thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy phù hợp với tình hình thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch thực hiện; trong đó xác định lộ trình, dự án bố trí ngân sách cụ thể và phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng sử dụng dịch vụ chuyển đổi số, tích cực hưởng ứng và thích ứng cuộc sống số.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức học tập, quán triệt, triển khai và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Huyện ủy đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể huyện,
- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện,
- Các Tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc

*
Số 63 -TTr/HU

TỜ TRÌNH

Về Chương trình hành động đẩy mạnh cải cách hành chính
trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy đã sao gửi tới các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy dự thảo Chương trình hành động để các đồng chí nghiên cứu, góp ý.

Trên cơ sở ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy phối hợp với UBND huyện hoàn chỉnh dự thảo Chương trình hành động về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Dự thảo Chương trình hành động gồm các nội dung chính như sau:

1. Tình hình

Dự thảo Chương trình hành động cơ bản đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính; những kết quả, tồn tại hạn chế trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện trong những năm qua.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác cải cách hành chính, quyết tâm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, uy tín, năng lực, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Từng bước hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cải cách hành chính trong Đảng: Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế. Các chỉ tiêu đến năm 2025, cụ thể:

+ 100% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan Đảng và giữa cơ quan Đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

+ Đến hết năm 2022, ngành Tổ chức xây dựng Đảng triển khai thực hiện phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (OMS) trong phạm vi toàn huyện.

- Chỉ số cải cách hành chính của huyện: phần đầu chỉ số cải cách hành chính của huyện hàng năm đạt 90% và phần đầu đến năm 2030 chỉ số cải cách hành chính của huyện đạt trên 92%.

- Chỉ số hài lòng của người dân: Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập; lĩnh vực đất đai, xây dựng đạt tối thiểu 85%.

- Chỉ tiêu của từng lĩnh vực cải cách hành chính.

+ *Cải cách thể chế: đến năm 2025:* 100% văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện, xã được ban hành đúng kế hoạch và thường xuyên được rà soát; *đến năm 2030:* Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND các cấp theo quy định, 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng quy định của pháp luật.

+ *Cải cách thủ tục hành chính: đến năm 2025:* Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; *đến năm 2030:* Tối thiểu 90% và phần đầu 100% thủ tục hành chính của huyện, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ *Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: đến năm 2025:* 100% các cơ quan, đơn vị được kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; *đến năm 2030:* Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

+ *Cải cách chế độ công vụ: đến năm 2025:* Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; *đến năm 2030:* Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

+ *Cải cách tài chính công: đến năm 2025:* Thực hiện cân đối ngân sách của huyện theo hướng đảm bảo tỷ lệ hợp lý cho đầu tư phát triển, tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội; *đến năm 2030:* Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính; quản lý chặt chẽ nguồn thu ngân sách nhà nước.

+ *Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số: đến năm 2025:* Tối thiểu 80% và phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ cần nhập dữ liệu một lần. *đến năm 2030:* 90% hồ sơ công việc cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

Trên cơ sở mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự thảo Chương trình hành động đã đề ra 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xem xét, cho ý kiến.

(Kèm theo dự thảo Chương trình hành động về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.).

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTVHU,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K' Hương

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày tháng 8 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐAM RÔNG
Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh
cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn
huyện Đam Rông

Trong những năm qua, Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả quan trọng. Đã chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; cải tiến lề lối làm việc, đẩy mạnh kiểm soát thủ tục hành chính, công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, người dân và doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy được kiện toàn, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đảm bảo trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền ở địa phương, cơ quan, đơn vị được phát huy mạnh mẽ. Bộ thủ tục hành chính của huyện thường xuyên được rà soát, đơn giản hóa theo hướng gọn nhẹ, đơn giản thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực; sự giám sát, đánh giá trực tiếp của người dân và doanh nghiệp đối với cán bộ, công chức được mở rộng. Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ ứng xử, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khắc phục tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm của một số cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Bước đầu chuyển giao việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết một số thủ tục hành chính cấp huyện cho Bưu điện huyện. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đã rút ngắn thời gian giải quyết công việc cho cán bộ, công chức, viên chức; hạn chế tình trạng những nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết các thủ tục hành chính. Qua đó, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tăng dần qua các năm, tạo động lực thúc đẩy địa phương phát triển ổn định.

Tuy nhiên, Chương trình cải cách hành chính của huyện thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, đó là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện về cải cách hành chính tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ. Một số thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa thật sự đơn

giản về trình tự, thành phần hồ sơ. Việc phối hợp các cơ quan chuyên môn trong giải quyết thủ tục hành chính đôi lúc chưa nhịp nhàng, đồng bộ. Hệ thống văn bản điện tử các cơ quan hành chính nhà nước từ huyện đến cơ sở chưa vận hành thông suốt; việc áp dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 còn hạn chế; cải cách hành chính trong Đảng chưa đồng bộ với cải cách hành chính trong chính quyền...

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính thời gian qua, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng Chương trình hành động về cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác cải cách hành chính, quyết tâm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, uy tín, năng lực, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Từng bước hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời, góp phần triển khai, thực hiện có hiệu quả 4 khâu đột phá, 7 nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cải cách hành chính trong Đảng: Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Kịp thời sửa đổi hoặc đề xuất sửa đổi các quy định chồng chéo, không phù hợp theo hướng đơn giản thủ tục, thuận tiện, thống nhất trong thực hiện; nâng cao hiệu quả hoạt động cơ quan Đảng các cấp nhằm đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy từ huyện đến cơ sở. Các chỉ tiêu đến năm 2025, cụ thể:

- 100% các văn bản, tài liệu chính thức (*trừ tài liệu có độ mật theo quy định*) trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan Đảng và giữa cơ quan Đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

- Các cơ quan Đảng cấp huyện kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng với băng thông rộng, kết nối internet có quản lý và kết nối hệ thống hội nghị trực tuyến qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng, ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Đến hết năm 2023, ngành Tổ chức xây dựng Đảng triển khai thực hiện phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (OMS) trong phạm vi toàn huyện; đảm bảo tính liên thông từ khối Đảng - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với khối Chính quyền, liên thông từ huyện đến xã và đảm bảo quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ cán bộ được số hóa chuyển từ hồ sơ trên giấy sang hồ sơ điện tử (*trừ các văn bản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước*). Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ; thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với các phẩm mềm theo quy định.

2.2. Chỉ số cải cách hành chính của huyện: Phần đầu chỉ số cải cách hành chính của huyện hàng năm đạt 90% và phần đầu đến năm 2030 chỉ số cải cách hành chính của huyện đạt trên 92%.

2.3. Chỉ số hài lòng của người dân: Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập; lĩnh vực đất đai, xây dựng đạt tối thiểu 85%.

2.4. Chỉ tiêu của từng lĩnh vực cải cách hành chính

2.4.1. *Cải cách thể chế*

a) *Mục tiêu đến năm 2025*

- 100% văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện, xã được ban hành đúng kế hoạch và thường xuyên được rà soát; kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý các văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; kịp thời triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân biết, thực hiện.

b) *Định hướng đến năm 2030*

- Tiếp tục quán triệt, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh cải cách thể chế nhằm giúp công chức, viên chức nhận thức sâu sắc và thực hiện có hiệu quả công tác này, nhất là

công chức, viên chức trực tiếp làm công tác pháp chế của các phòng, ban, ngành, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND các cấp theo quy định, 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng quy định của pháp luật.

2.4.2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

b) Định hướng đến năm 2030

- Tối thiểu 90% và phấn đấu 100% thủ tục hành chính của huyện, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 92%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 88%.

2.4.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu đến năm 2025

- 100% các cơ quan, đơn vị được kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ,

số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn của UBND huyện không vượt so với quy định.

- Phân đầu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Tiếp tục rà soát các thôn đủ điều kiện sáp nhập theo Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định hướng đến năm 2030

- Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Tiếp tục phân đầu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

2.4.4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu đến năm 2025: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

b) Định hướng đến năm 2030

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

2.4.5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu đến năm 2025: Thực hiện cân đối ngân sách của huyện theo hướng đảm bảo tỷ lệ hợp lý cho đầu tư phát triển, tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội.

b) Định hướng đến năm 2030

- Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính; quản lý chặt chẽ nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Việc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng định hướng của Chính phủ và bảo đảm vai trò chủ động, tích cực của ngân sách địa phương.

2.4.6. Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Tối thiểu 80% và phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ cần nhập dữ liệu một lần.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- 90% hồ sơ công việc cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ có nội dung mật*).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các cấp ủy đảng, thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này trong phạm vi quản lý của mình; xác định thực hiện cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung thực hiện 07 giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong công tác cải cách hành chính; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với công tác cải cách hành chính

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền trong thực hiện công tác cải cách hành chính; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; tập trung quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về công tác cải cách hành chính; chủ động nghiên cứu, xây dựng các chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương, đơn vị mình theo từng giai đoạn và định kỳ hàng năm; công khai, minh bạch về giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện để

đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, cấp trên giám sát cấp dưới, đặc biệt là sự giám sát của Nhân dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2. Cải cách thể chế hành chính, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả ban hành các văn bản lãnh đạo; đổi mới tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; nâng cao chất lượng chuẩn bị, tổ chức các cuộc họp, hội nghị; đổi mới phương thức lãnh đạo; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và phân cấp quản lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động, công tác của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở... Tạo sự đổi mới đồng bộ trong hệ thống chính trị, thống nhất liên thông giữa cải cách hành chính của cơ quan Nhà nước với cải cách hành chính của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện, đảm bảo 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng quy định, được tổ chức thi hành nghiêm minh, hiệu quả; bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng của địa phương và phát huy quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, đặc biệt là những cơ chế, chính sách mang tính chất đặc thù của địa phương để hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực hiện các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, quản lý, bảo vệ rừng, thuế. Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm, ý thức, thái độ, tuân thủ

luật pháp, hình thành cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với đội ngũ trực tiếp giải quyết hồ sơ của người dân và doanh nghiệp, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các phòng, ban cấp huyện và UBND cấp xã.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đối với các dịch vụ hành chính công của huyện. Nghiên cứu, triển khai, tạo điều kiện cho các dịch vụ hành chính ngoài công lập phát triển để hỗ trợ các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

4. Cải cách tổ chức bộ máy Nhà nước

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế theo chủ trương, quy định của Đảng, Nhà nước bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan thuộc ngành dọc và cơ quan chuyên môn của UBND trong giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, đơn giản hóa quy trình liên thông giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo hướng minh bạch, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ. Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Thực hiện nghiêm Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển chung trong giai đoạn mới.

- Nâng cao vai trò của cấp ủy đảng trong đào tạo, bồi dưỡng đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm gắn với vị trí việc làm, sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra trong quá trình thực thi công vụ. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về thực hiện cải cách hành chính.

- Triển khai thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công

chức, viên chức; động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện cải cách hành chính; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân gây phiền hà, khó khăn, sách nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP gắn với việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

- Tăng cường cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, đánh giá tình hình tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để tăng loại hình tự chủ về tài chính, theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quản lý thu, chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong việc sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước.

7. Hiện đại hóa nền hành chính Nhà nước

- Thực hiện quy trình xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định. Thực hiện tốt việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Mở rộng ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) đến các xã theo từng lĩnh vực phù hợp; từng bước liên thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước và cung cấp các dịch vụ công trên mạng cho người dân.

- Thường xuyên rà soát hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, kịp thời nâng cấp, trang bị mới các thiết bị cần thiết để duy trì việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với các đơn vị cấp xã.

- Trong giai đoạn 2021- 2025 đảm bảo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã trong huyện thực hiện xử lý văn bản điện tử hoàn toàn trên môi trường mạng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống một cửa hiện đại nhằm phục vụ các doanh nghiệp, nhân dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. Tạo môi trường làm việc hiện đại trên môi trường mạng, cải cách thủ tục hành chính.

- Xây dựng chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực CNTT để đáp ứng nhu cầu phát triển về ứng dụng CNTT trong cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đến người dân, doanh nghiệp (*đặc biệt đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số*); cung cấp đa dạng các kênh giao tiếp, giúp người dân, doanh nghiệp lựa chọn hình thức xử lý dịch vụ công phù hợp nhất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến, lấy kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến làm tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng hàng năm của các địa phương, cơ quan và đơn vị có liên quan.

8. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác cải cách hành chính

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị về cải cách hành chính, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm công vụ và cải cách thủ tục hành chính; huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp vào công tác cải cách hành chính.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, có đánh giá, sơ kết trong từng thời gian nhất định. Bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp ủy và cơ quan hành chính Nhà nước tại địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình hành động cải cách hành chính trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đến đông đảo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Chương trình hành động; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình hành động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện Nghị quyết. Đồng thời chỉ đạo Phòng Văn hóa Thông tin; Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện xây dựng các trang chuyên đề về công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

4. Ban Dân vận Huyện ủy phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính của địa phương. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; giám sát việc thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan quản lý Nhà nước ở các ngành, các cấp. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình trong thực hiện Chương trình cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5. Các Ban của Huyện ủy theo chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng các quy định, hướng dẫn, trình tự, thủ tục và các nội dung khác có liên quan cải cách hành chính trong Đảng để cụ thể hóa, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Đồng thời, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện.

6. Hội đồng nhân dân huyện thực hiện phân bổ ngân sách hàng năm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình hành động; giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng của Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành của huyện,
- Mặt trận Tổ quốc các đoàn thể huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Lộc

*

Số 64 -TTr/HU

TỜ TRÌNH

Về Chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022 – 2030 trên địa bàn huyện

Kính gửi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022 – 2030 trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Huyện ủy, UBND huyện đã nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Chương trình hành động về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022 – 2030 trên địa bàn huyện gồm các nội dung chính như sau:

1. Tình hình

Dự thảo Chương trình hành động đã bám sát các nội dung tại Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; cơ bản đánh giá đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022 – 2030 trên địa bàn huyện; những kết quả đã đạt được, tồn tại hạn chế trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện trong những năm qua.

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

Quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới, theo tinh thần Nghị quyết số 88/NQ-QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 và đặc biệt Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030.

Xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền cơ sở trong tổ

chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; đồng thời tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động của hệ thống chính trị và sự đồng thuận vào cuộc của toàn xã hội để thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đã đề ra.

Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên nơi có đồng tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và khu vực xã, thôn còn đặc biệt khó khăn.

2.2. Mục tiêu

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số toàn diện trên các mặt, lĩnh vực, trong đó: chú trọng: nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung; phát triển đồng bộ các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự thảo Chương trình hành động đã đề ra 9 nhiệm vụ, giải pháp đột phá và 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xem xét, cho ý kiến.

(Kèm theo dự thảo Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022 – 2030 trên địa bàn huyện).

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTHU,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K' Hương



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG
Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng
về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022 - 2030
trên địa bàn huyện Đam Rông

Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030”; Ban Thường vụ huyện ủy Đam Rông xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2022-2030

1. Quan điểm

- Quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới, theo tinh thần Nghị quyết số 88/NQ-QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt “*Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030*”; Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) “*Về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*” và đặc biệt Nghị quyết số 16-NQ/TU, NGÀY 03/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030*”.

- Xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền cơ sở trong tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; đồng thời tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động của hệ thống chính trị và sự đồng thuận vào cuộc của toàn xã hội để thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đã đề ra.

- Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên nơi có đông tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và khu vực xã, thôn còn đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số toàn diện trên các mặt, lĩnh vực, trong đó chú trọng: nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung; phát triển đồng bộ các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Phần đầu thu nhập bình quân đầu người trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ 84 đến 87 triệu đồng/năm (*bằng 70 % thu nhập bình quân đầu người của tỉnh*); chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và dịch vụ.

- Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm (*theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng giai đoạn 2021-2025*).

- Phần đầu 100% các xã khu vực III đạt chuẩn nông thôn mới.

- 98,5% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 93,5% đồng bào DTTS được sử dụng nước hợp vệ sinh; 95% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường 100 %; học sinh tiểu học, trung học cơ sở đến trường 99%, học sinh trung học phổ thông đến trường 85%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông 98%.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế vùng đồng bào DTTS đạt trên 85 %; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95%. Trên 80 % phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 24,5%.

- Giải quyết cơ bản Dự án sắp xếp ổn định dân cư tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số di dân tự do tại khu vực Tây Sơn - Tiểu khu 179 và Tiểu khu 181 xã Liêng Srônh; đồng thời thực hiện hoàn thiện dự án định canh, định cư xen ghép

cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tại Tiểu khu 72 xã Đạ Long và Tiểu khu 68 xã Đạ M'Rông.

- Giải quyết cơ bản các vấn đề về xóa nhà tạm, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo 35% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 70% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số tại chỗ; bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương theo quy định.

2.2.2. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

- Từ 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS;

- Thu hẹp căn bản khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng trong tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các hộ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá chất lượng cao; tiếp tục thực hiện nâng cao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất, kinh tế, văn hoá, xã hội, giảm nghèo nhằm từng bước phát triển toàn diện, nhanh, bền vững; đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững ổn định và vững chắc.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp đột phá

- Thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

- Khai thác lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo phù hợp, đúng quy định để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng bền vững.

- Xác định nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số là then chốt, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là bộ phận tham mưu quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

- Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân, thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước và quản lý, điều hành của chính quyền địa phương.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tổ chức quán triệt sâu, rộng nội dung tinh thần các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.2. Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch, đề án để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

2.3. Về phát triển kinh tế

2.3.1. Lĩnh vực nông nghiệp

+ Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với đặc thù của địa phương.

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, tiến tới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo nhóm sản phẩm chủ lực.

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

2.3.2. Lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ sở thiết yếu

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực khác để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

+ Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư tập trung, xen ghép để sớm sắp xếp, ổn định dân cư.

2.3.3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch

+ Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối với chợ trung tâm cụm xã. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát

triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, gắn với tập tục truyền thống đặc trưng của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; Khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên nhằm phục vụ phát triển du lịch, đảm bảo không làm tổn hại đến cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Chú trọng phát triển các loại hình du lịch gắn gũi với thiên nhiên, thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái, du lịch canh nông, du lịch cộng đồng, du lịch xanh.

2.4. Về phát triển văn hóa - xã hội

2.4.1. Lĩnh vực giáo dục & đào tạo

+ Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại trường Phổ thông Dân tộc Nội trú - THCS Đam Rông, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em người dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

+ Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

+ Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.4.2. Lĩnh vực y tế và dân số

+ Ưu tiên giải quyết các vấn đề về chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng, giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

2.4.3. Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

+ Triển khai thực hiện công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở, khuyến khích xã hội hóa nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”

2.5. Về Quốc phòng - An ninh

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động biểu tình, bạo loạn, gây rối trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an ở xã trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

2.6. Về củng cố hệ thống chính trị cơ sở

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh toàn diện về mọi mặt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai, quán triệt Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và toàn thể Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai Chương trình hành động; đồng thời chỉ đạo các ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch triển khai sát hợp với địa phương, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình cụ thể; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Các ban xây dựng Đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện tốt Chương trình hành động này.

4. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tăng cường vận động các dân tộc thiểu số đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy vai trò những người tiêu biểu, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền vận động đồng bào xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tăng cường công tác giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách vùng đồng bào dân tộc ở cơ sở.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 18 tháng 8 năm 2022

*

Số 65 -TTr/HU

TỜ TRÌNH

**Về Chương trình hành động
phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
trên địa bàn huyện Đam Rông**

Kính gửi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông.

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Huyện ủy, UBND huyện đã nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Chương trình hành động về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông:

1. Tình hình

Dự thảo Chương trình hành động đã bám sát các nội dung tại Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; cơ bản đánh giá đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện trong những năm qua.

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

- Phát triển du lịch huyện Đam Rông phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra.

- Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về du lịch, gắn với bảo tồn các giá trị tự nhiên, môi trường sinh thái và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc của huyện để phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng; tạo ra những sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao, mang thương hiệu du lịch Đam Rông, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao sinh kế và chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các địa phương, khu vực kém phát triển, thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác cùng phát triển.

- Phát triển du lịch dựa trên sự phát huy nội lực, sức mạnh tổng hợp của các ngành và người dân đồng thời đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, tạo điều kiện cho

doanh nghiệp tham gia thiết kế, xây dựng, xúc tiến và kinh doanh các hoạt động du lịch, dịch vụ.

- Phát triển du lịch bảo đảm vai trò kết nối nội tỉnh, gắn kết các khu, điểm du lịch với các địa phương trong và ngoài tỉnh để hình thành các tuyến du lịch đa dạng, hấp dẫn khách du lịch, trong đó đặc biệt chú trọng tới tuyến du lịch trung chuyển giữa Đà Lạt - Đam Rông, nối các tỉnh Tây Nguyên.

2.2. Mục tiêu

- Phát triển du lịch huyện Đam Rông trở thành ngành kinh tế quan trọng với tốc độ phát triển bền vững, du lịch sinh thái làm mũi nhọn, du lịch văn hóa làm nền tảng; khai thác có hiệu quả các điểm có tiềm năng, lợi thế về du lịch để kêu gọi đầu tư thành những điểm du lịch hấp dẫn, thu hút du khách. Đồng thời, tạo ra những sản phẩm du lịch đa dạng, có chất lượng cao; tạo lập được sản phẩm du lịch đặc thù và có sức cạnh tranh.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch. Từng bước đưa du lịch huyện Đam Rông trở thành điểm trung chuyển, kết nối tuyến du lịch Đà Lạt - Tây Nguyên, trong đó, 03 xã: Đạ M'Rông, Đạ Tông, Đạ Long là trung tâm du lịch văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng; xã Phi Liêng và Đạ K'Nàng du lịch khám phá danh lam thắng cảnh; du lịch canh nông,...

- Phát triển du lịch bền vững trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên; gắn khai thác với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Đẩy nhanh việc chuyển đổi số; phát triển du lịch thông minh; quản lý khách du lịch, hoạt động du lịch và tài nguyên du lịch; kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch huyện Đam Rông kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch, nhân lực chất lượng cao, bảo đảm yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đến năm 2025, định hướng 2030

+ Thu hút khách du lịch đến Đam Rông mỗi năm với mức bình quân là 350 - 500 nghìn lượt khách/năm; phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch (*khách sạn, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho thuê*).

+ Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác mô hình bảo tồn không gian văn hóa truyền thống của người đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch tại 03 xã: Đạ M'ông, Đạ Tông và Đạ Long và khu du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng tại suối Nước nóng, xã Đạ Long; Kêu gọi đầu tư và đưa vào khai thác khu du lịch sinh thái thác Bảy tầng, xã Phi Liêng phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cho du khách khi đến Đam Rông vào năm 2030.

+ Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối các khu điểm du lịch. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kết nối các khu, điểm có tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ du lịch; tuyến Quốc

lộ 27, Tỉnh lộ 722. Hoàn thành một số điểm du lịch sinh thái, du lịch canh nông, nghỉ dưỡng dọc Tỉnh lộ 722, 724 và khu vực Phi Liên, Đa K'Nàng.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch huyện Đam Rông kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Tăng tỷ lệ lao động du lịch trực tiếp qua tập huấn, đào tạo trên 70%.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, dự thảo Chương trình hành động đã đề ra 6 nhiệm vụ, giải pháp đột phá chủ yếu để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xem xét, cho ý kiến.

(Kèm theo dự thảo Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông).

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTHU,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cắt K' Hương



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1. Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện để đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống. Quan tâm kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển du lịch theo đúng quan điểm, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra.

2. Cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 18-NQ/TU đã đề ra. Lựa chọn những mục tiêu, khâu đột phá trọng tâm để tập trung chỉ đạo nhằm đạt được kết quả cao nhất.

3. Xác định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy với các nội dung, nhiệm vụ và vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, địa phương phải kiên định với mục tiêu đã đề ra với quyết tâm chính trị cao nhất. Khắc phục mọi khó khăn, thử thách; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình và kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN ĐAM RÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Qua 5 năm triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020, định

hướng đến năm 2025 trên địa bàn huyện Đam Rông; cấp ủy, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ nên bước đầu đã đạt được một số kết quả: Giai đoạn 2016 - 2019, lượt khách du lịch đến Đam Rông tăng đều mỗi năm với mức bình quân trên 50 nghìn lượt khách/năm, chủ yếu các nhóm thanh niên đi phượt, các đoàn khách khi đi qua địa bàn theo Quốc lộ 27 ghé thăm và khám phá các điểm, khu có tiềm năng phát triển du lịch của địa phương; có 12 cơ sở lưu trú, với trên 100 buồng, phòng; các dịch vụ ăn uống phục vụ du khách đến địa phương; số lượng lao động trực tiếp phục vụ ngành du lịch khoảng 70 lao động, chủ yếu lĩnh vực lưu trú, phục vụ ăn uống 60 người; kiêm nhiệm quản lý về du lịch là 10 người; trong đó, có 80% số lao động trực tiếp chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ. Giai đoạn 2020 - 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên lượng khách du lịch ghé thăm Đam Rông giảm mạnh, đặc biệt là lượng khách đi qua Đam Rông theo Quốc lộ 27.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số khó khăn, tồn tại: Kết cấu hạ tầng giao thông và cơ sở vật chất của huyện chưa đồng bộ, chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế về du lịch. Hoạt động du lịch còn nhỏ lẻ, chưa có tính liên kết giữa các hoạt động và tính chuyên nghiệp còn hạn chế. Chưa có sản phẩm du lịch đặc trưng và đa dạng, công tác xã hội hóa về phát triển du lịch còn hạn chế. Các điểm có tiềm năng phát triển du lịch của huyện cách xa nhau, chưa được quy hoạch, đầu tư xây dựng thành tuyến, điểm du lịch cụ thể. Việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, kết nối giao thông thông suốt tới các khu, điểm định hướng phát triển du lịch còn gặp nhiều khó khăn; chưa có đề án quy hoạch riêng cho phát triển du lịch và dịch vụ du lịch tại địa phương. Do đó việc kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển các khu, điểm có tiềm năng phát triển du lịch của địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân của những tồn tại, khó khăn nêu trên chủ yếu là: Là huyện vùng dân tộc thiểu số và miền núi, kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều. Nguồn nhân lực cho quản lý du lịch nói riêng và cho hoạt động du lịch ở địa phương nói chung còn thiếu và yếu về chuyên môn, nghiệp vụ; công tác xã hội hóa, đầu tư vào lĩnh vực du lịch còn nhiều hạn chế. Địa phương chưa chủ động được nguồn ngân sách tương xứng dành cho công tác quản lý nhà nước, quảng bá, xúc tiến du lịch và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết, thiếu quyết tâm, chủ động sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo từ cấp trên. Cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực phát triển du lịch. Những nơi có tiềm năng phát triển du lịch chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Quan điểm

- Phát triển du lịch huyện Đam Rông phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra.

- Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về du lịch, gắn với bảo tồn các giá trị tự nhiên, môi trường sinh thái và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc của huyện để phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng; tạo ra những sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao, mang thương hiệu du lịch Đam Rông, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao sinh kế và chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các địa phương, khu vực kém phát triển, thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác cùng phát triển.

- Phát triển du lịch dựa trên sự phát huy nội lực, sức mạnh tổng hợp của các ngành và người dân đồng thời đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia thiết kế, xây dựng, xúc tiến và kinh doanh các hoạt động du lịch, dịch vụ.

- Phát triển du lịch bảo đảm vai trò kết nối nội tỉnh, gắn kết các khu, điểm du lịch với các địa phương trong và ngoài tỉnh để hình thành các tuyến du lịch đa dạng, hấp dẫn khách du lịch, trong đó đặc biệt chú trọng tới tuyến du lịch trung chuyển giữa Đà Lạt - Đam Rông, nối các tỉnh Tây Nguyên.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Phát triển du lịch huyện Đam Rông trở thành ngành kinh tế quan trọng với tốc độ phát triển bền vững, du lịch sinh thái làm mũi nhọn, du lịch văn hóa làm nền tảng; khai thác có hiệu quả các điểm có tiềm năng, lợi thế về du lịch để kêu gọi đầu tư thành những điểm du lịch hấp dẫn, thu hút du khách. Đồng thời, tạo ra những sản phẩm du lịch đa dạng, có chất lượng cao; tạo lập được sản phẩm du lịch đặc thù và có sức cạnh tranh.

Kêu gọi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch. Từng bước đưa du lịch huyện Đam Rông trở thành điểm trung chuyển, kết nối tuyến du lịch Đà Lạt - Tây Nguyên, trong đó, 03 xã: Đạ M'Rông, Đạ Tông, Đạ Long là trung tâm du lịch văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng; xã Phi Liêng và Đạ K'Nàng du lịch khám phá danh lam thắng cảnh; du lịch canh nông,...

- Phát triển du lịch bền vững trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên; gắn khai thác với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Đẩy nhanh việc chuyển đổi số; phát triển du lịch thông minh; quản lý khách du lịch, hoạt động du lịch và tài nguyên du lịch; kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch huyện Đam Rông kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch, nhân lực chất lượng cao, bảo đảm yêu cầu về số lượng và chất lượng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Đến năm 2025, dự kiến phần đầu thu hút khách du lịch đến Đam Rông hàng năm bình quân khoảng 100 nghìn lượt khách/năm.

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác mô hình bảo tồn không gian văn hóa truyền thống của người đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch tại 03 xã: Đạ M'rông, Đạ Tông và Đạ Long.

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng khu du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng tại suối Nước nóng, xã Đạ Long.

- Kêu gọi đầu tư khu du lịch sinh thái thác Bảy tầng, xã Phi Liêng phục vụ nhu cầu cho du khách khi ghé thăm quan, nghỉ dưỡng khi đến Đam Rông.

- Tiếp tục phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch (*khách sạn, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho thuê*).

- Ưu tiên phát triển 4 nhóm sản phẩm chủ lực: du lịch sinh thái gắn với tham quan nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, du lịch canh nông, du lịch văn hóa. Đa dạng hóa các nhóm sản phẩm hỗ trợ là du lịch phục hồi, chăm sóc sức khỏe, du lịch ẩm thực.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch huyện Đam Rông kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng thương hiệu “Du lịch Đam Rông trở thành điểm trung chuyển, kết nối tuyến du lịch Đà Lạt - Tây Nguyên”; các điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa các dân tộc tại chỗ dọc Tỉnh lộ 722, 724, kết nối tuyến du lịch Lâm Hà - Đam Rông - các tỉnh Tây Nguyên.

- Tỷ lệ lao động du lịch trực tiếp qua tập huấn, đào tạo trên 50%.

b) Đến năm 2030

- Thu hút khách du lịch đến Đam Rông mỗi năm với mức bình quân là 350 - 500 nghìn lượt khách/năm.

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác khu du lịch sinh thái thác Bảy tầng, xã Phi Liêng phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cho du khách khi đến Đam Rông.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối các khu điểm du lịch. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kết nối các khu, điểm có tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ du lịch; tuyến Quốc lộ 27, Tỉnh lộ 722. Hoàn thành một số điểm du lịch sinh thái, du lịch canh nông, nghỉ dưỡng dọc Tỉnh lộ 722, 724 và khu vực Phi Liêng, Đạ K'Nàng.

- Tiếp tục phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch (*khách sạn, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho thuê*).

- Tăng tỷ lệ lao động du lịch trực tiếp qua tập huấn, đào tạo trên 70%.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Thực hiện công tác quy hoạch, kêu gọi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.1. Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp ủy, chính quyền, các phòng, ban, đơn vị, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã đề ra.

1.2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội triển khai, quán triệt, tuyên truyền đầy đủ nội dung Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và người dân, phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị trong khâu tổ chức thực hiện, tạo những bước thay đổi toàn diện về phát triển du lịch tại địa phương.

1.3. Rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, trên cơ sở đó phối hợp với các sở, ngành của tỉnh và các đơn vị quản lý rừng trên địa bàn, quy hoạch mạng lưới phát triển du lịch tại một số điểm dự kiến hình thành các khu du lịch đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 làm cơ sở thu hút các dự án đầu tư.

1.4. Tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, đề xuất cơ quan chức năng nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trọng yếu như: tuyến Quốc lộ 27, Tỉnh lộ 722, 724; các tuyến đường vào các khu,

điểm dự kiến phát triển du lịch: thác Nếp, xã Đạ K'Nàng; thác Bảy tầng, xã Phi Liêng; thác Tình tang, xã Đạ Tông; suối Nước nóng, xã Đạ Long,... Kêu gọi và tạo điều kiện cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các dự án phát triển du lịch như: các điểm tham quan du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, khu nghỉ dưỡng, trung tâm vui chơi giải trí và các dịch vụ khác...

2. Xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch

2.1. Xác định du lịch sinh thái làm mũi nhọn, du lịch văn hóa làm nền tảng. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Định hướng phát triển du lịch theo 03 cụm không gian du lịch; trong đó, cụm 03 xã: Đạ M'rông, Đạ Tông và Đạ Long hình thành các mô hình du lịch văn hóa cộng đồng bản địa; các điểm điểm du lịch sinh thái kết hợp du lịch điều dưỡng, phục hồi sức khỏe... Đây là khu vực chính để xây dựng Đam Rông trở thành điểm trung chuyển du lịch kết nối Đà Lạt - Đam Rông và các tỉnh Tây Nguyên.

Ngoài ra, định hướng các xã còn lại phát triển du lịch theo 02 cụm: cụm du lịch các xã Đạ K'Nàng, Phi Liêng và cụm Liêng Srônh, Rô Men, Đạ Rsal. Hai cụm này phát triển các điểm dừng chân, du lịch văn hóa, sinh thái và du lịch canh nông dọc Quốc lộ 27 phục vụ khách du lịch tuyến Lâm Hà - Đam Rông – nối các tỉnh Tây Nguyên.

2.3. Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo như: Du lịch sinh thái gắn với thăm quan, văn hóa (trước mắt xây dựng và hình thành mô hình bảo tồn không gian văn hóa truyền thống gắn với du lịch văn hóa cộng đồng tại khu vực 03 xã: Đạ M'rông, Đạ Tông và Đạ Long); du lịch nghỉ dưỡng; du lịch canh nông gắn với quảng bá, tiêu thụ nông sản và sản phẩm OCOP của địa phương (Mắc Ca, Bơ, chuối laba, trầm hương,...) nhằm tạo sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện. Hỗ trợ đào tạo và sản xuất sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm đặc sản của địa phương phục vụ du lịch, dịch vụ.

2.4. Kêu gọi các nguồn lực đầu tư để phát triển công nghiệp văn hóa dựa trên các lợi thế đặc thù của huyện để phát triển du lịch.

3. Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch

3.1. Nghiên cứu đổi mới cách thức, nội dung, bảo đảm đạt hiệu quả cao trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch của địa phương và các địa phương trên cả nước; ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong công tác xúc tiến quảng bá du lịch.

3.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông trên internet, trên các trang mạng xã hội hay diễn đàn về du lịch; nâng cao chất lượng các bài viết giới thiệu về các danh lam, thắng cảnh, ẩm thực... của huyện. Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông và sự tham gia của toàn xã hội trong hoạt động xúc tiến quảng bá.

3.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chương trình liên kết, hợp tác với các hiệp hội du lịch trong và ngoài tỉnh để mở rộng thị trường. Thu hút các hãng lữ hành lớn tại các thị trường trọng điểm, các đoàn báo chí, phóng viên đến khảo sát sản phẩm, viết bài, tuyên truyền quảng bá về du lịch tại địa phương.

4. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch và chất lượng dịch vụ du lịch

4.1. Cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về quản lý du lịch, đáp ứng về số lượng và chất lượng cho nhu cầu tham mưu phát triển du lịch chất lượng cao của huyện; đảm bảo tính năng động, chủ động, sáng tạo, chuyên nghiệp, thích nghi nhanh với môi trường làm việc.

4.2. Tập trung mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp ứng xử, hướng dẫn viên du lịch,... kết hợp giữa lý thuyết, thực hành và trải nghiệm thực tế tại các khu, điểm du lịch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch, giúp người lao động có thể chủ động tự học mọi lúc, mọi nơi và tiết kiệm kinh phí; kịp thời nắm bắt, học hỏi xu hướng phát triển du lịch của các địa phương trong và ngoài tỉnh.

4.3. Có cơ chế chính sách thu hút, tuyển chọn nguồn nhân lực có chất lượng được đào tạo chuyên ngành và có kinh nghiệm làm du lịch, ưu tiên cho nguồn nhân lực tại chỗ.

5. Liên kết, hợp tác phát triển du lịch

5.1. Tập trung triển khai ký kết các chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch với các công ty, hiệp hội du lịch trong và ngoài tỉnh.

5.2. Phát huy vai trò hoạt động của các cá nhân, doanh nghiệp để kết nối, hình thành các chuỗi sản phẩm du lịch chung, xây dựng các chương trình tour du lịch kết nối Đam Rông với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

6. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước

6.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về du lịch, dịch vụ, xây dựng môi trường du lịch bền vững.

6.2. Xây dựng chính sách phối hợp đồng bộ giữa ngành Văn hóa và Thông tin và các ngành chức năng trên lĩnh vực quản lý du lịch, dịch vụ; tăng cường mối liên kết về quản lý giữa các ngành chức năng nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ

các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường tại các khu, điểm kinh doanh du lịch, dịch vụ; tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng và thúc đẩy dịch vụ du lịch phát triển.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động này. Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. Trong đó xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình cụ thể; chủ trì, phối hợp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này tại địa phương, đơn vị; định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy kết quả triển khai thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình hành động này bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Chương trình hành động tại địa phương.

3. Các cấp ủy đảng, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Chương trình hành động này sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, bảo đảm hiệu quả, thiết thực; định kỳ tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện hiệu quả trong thời gian tới.

4. Văn phòng Huyện ủy phối hợp các Ban xây dựng Đảng, các cơ quan liên quan giúp Huyện ủy theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình hành động này trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c),
- TT HU, TT HĐND huyện,
- UBND huyện,
- Các đồng chí Huyện ủy viên;
- Các Ban đảng và Văn phòng HU,
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội,
- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện,
- Đảng ủy, UBND các xã,
- Lưu: Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Lộc

*
Số 66 -TTr/HU

TỜ TRÌNH
Về Chương trình hành động
xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
trên địa bàn huyện Đam Rông

Kính gửi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đam Rông.

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Huyện ủy, UBND huyện đã nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Chương trình hành động về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông gồm các nội dung chính như sau:

1. Tình hình

Trong điều kiện khó khăn chung của địa phương; Huyện ủy, HĐND và UBND huyện đã bám sát các Nghị quyết, chỉ đạo của Tỉnh ủy, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện và tạo được sự đồng thuận của nhân dân, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện đã từng bước phát triển trên nhiều lĩnh vực, đảm bảo quốc phòng - an ninh và nâng cao đời sống của nhân dân.

Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Nguồn lực đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng còn hạn hẹp chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế tại địa phương; chất lượng quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế, tiến độ thực hiện quy hoạch còn chậm; nhiều công trình theo yêu cầu phát triển phải đầu tư nhưng chưa được bố trí vốn hoặc bố trí dàn trải; các dự án thu hút đầu tư còn gặp nhiều khó khăn, công tác chuẩn bị đầu tư còn kéo dài, tiến độ đầu tư chậm.

Chưa thực hiện ngầm hóa mạng lưới điện, cấp viễn thông ở các khu vực đông dân cư; công tác cấp nước chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Hệ thống thoát nước thiếu, năng lực xử lý nước thải còn thấp ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường.

Hạ tầng văn hóa, giáo dục, y tế tuy đã được đầu tư nhưng vẫn còn thiếu chưa đảm bảo yêu cầu phát triển đồng bộ. Công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng còn hạn chế, dẫn đến tình trạng lãng phí và hư hỏng công trình. Công tác xã hội hóa đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch tuy có triển khai thực hiện nhưng chưa đạt hiệu quả; thu hút đầu tư xây dựng trung tâm thương mại và chợ, bến xe trung tâm huyện còn chậm.

2. Mục đích, yêu cầu

2.1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn đảng bộ và nhân dân trong huyện để đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống. Quyết tâm bút phá để phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ theo đúng quan điểm, mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra.

- Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đảm bảo cho phát triển nhanh và bền vững

- Xác định rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy với các nội dung, nhiệm vụ và vai trò, trách nhiệm của các cấp, đảng ủy các xã trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải kiên định với mục tiêu đã đề ra với quyết tâm chính trị cao nhất. Khắc phục mọi khó khăn, thử thách, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình và kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2.2. Yêu cầu

- Đến năm 2025: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện cơ bản được nhựa hoá và bê tông hoá 95%. Trung tâm Bằng Lăng và Trung tâm xã Đa Rsal đạt đô thị loại V.

- Đến năm 2030: Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông nội huyện, Quốc lộ 27, Tỉnh lộ 722, Tỉnh lộ 724, 06 tuyến đường liên xã và hệ thống giao thông thôn, xóm và nội đồng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

Trên cơ sở tình hình và mục đích, yêu cầu đề ra, dự thảo Chương trình hành động đã đề ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xem xét, cho ý kiến.

(Kèm theo dự thảo Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đam Rông)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTHU,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K' Hương



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện để đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống. Quyết tâm bút phá để phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ theo đúng quan điểm, mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra.

1.2. Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đảm bảo cho phát triển nhanh và bền vững.

1.3. Xác định rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy với các nội dung, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

1.4. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải kiên định với mục tiêu đã đề ra với quyết tâm chính trị cao nhất. Khắc phục mọi khó khăn, thử thách, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình và kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Yêu cầu

2.1. Đến năm 2025: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện cơ bản được nhựa hoá và bê tông hoá 95%. Trung tâm Bằng Lăng và Trung tâm xã Đạ Rsal đạt đô thị loại V.

2.2. Đến năm 2030: Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông nội huyện, Quốc lộ 27, Tỉnh lộ 722, Tỉnh lộ 724 và 06 tuyến đường liên xã và hệ thống giao thông thôn, xóm và nội đồng.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tranh thủ các nguồn vốn Trung ương, tỉnh, các dự án trong và ngoài huyện, đặc biệt là các nguồn vốn đã được ghi kế hoạch đầu tư; đồng thời, khuyến khích phát huy nội lực, kêu gọi, huy động nguồn vốn xã hội hóa và của nhân dân để đầu tư hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng. Trong thời gian tới cần tập trung triển khai có hiệu quả các giải pháp sau:

1. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

1.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Căn cứ vào chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các tiềm năng, lợi thế của huyện để xây dựng quy hoạch huyện Đam Rông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch tổng thể chung, quy hoạch vùng. Đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ, hợp lý giữa bảo tồn và phát triển, phù hợp với đặc thù riêng của huyện Đam Rông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, phát triển không gian đô thị phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2045; hình thành 02 đô thị Bằng Lãng và Đạ Rsal, trạm dừng chân theo trục Quốc lộ 27 gồm: tại ngã ba Bằng Lãng và Đạ Rsal, Phi Liêng.

- Rà soát toàn bộ các quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn để điều chỉnh, hoàn thiện, đảm bảo tính khả thi đáp ứng yêu cầu thực tế của địa phương. Tăng cường quản lý xây dựng theo Quy hoạch, hoàn thành các quy hoạch như: Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Đam Rông đến năm 2040, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lãng, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đạ Rsal, phân đấu đến năm 2025 Bằng Lãng và Đạ R'sal đạt tiêu chí đô thị loại V; hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn đến năm 2030 (8/8 xã); thực hiện công khai, minh bạch đối với các loại quy hoạch trên từng địa bàn theo từng thời kỳ cụ thể.

1.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung, các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

2. Giao thông

2.1. Nhiệm vụ và giải pháp

Tiếp tục phát triển đồng bộ mạng lưới giao thông, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn huyện, đảm bảo giao thông thông suốt đến các xã, khu dân cư tập trung; nâng cấp và xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn đảm bảo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện đến năm 2025.

- Phân bổ kinh phí đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo nguyên

tắc, tiêu chí và thứ tự ưu tiên, trong đó tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông khu vực Trung tâm Bằng Lãng và Trung tâm xã Đạ Rsal để đạt chuẩn lên đô thị loại V đến năm 2025. Đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông phải đồng bộ gắn phát triển đầu tư nâng cấp vỉa hè, hệ thống chiếu sáng, ngầm hoá hệ thống điện lưới, viễn thông.

- Đường huyện: Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện các tuyến đường Liên xã đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ GTVT và theo quy hoạch GTVT của huyện đã được phê duyệt, gồm các tuyến: đường Đạ R'sal đi Đạ M'Rông; Đạ R'sal đi Rô Men; đường từ cầu Đạ K'nàng đi thôn Păng Pá; đường từ xã Phi Liêng đi xã Đạ K'nàng; đường Đạ Long - Đạ Tông - Đạ M'rông; đường Liêng S'rôn.

- Hệ thống đường đô thị: đầu tư hoàn thiện hệ thống tuyến đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch Thị trấn Bằng Lãng và Đạ R'sal theo quy hoạch được phê duyệt.

- Đường xã, thôn: đầu tư, nâng cấp hoàn thiện các tuyến đường vào các khu quy hoạch ổn định dân cư tự do Đạ M'Pô, Khu vực Tây Sơn, Tiểu khu 179 xã liêng S'rôn; tiếp tục đầu tư, nâng cấp cứng hóa hệ thống đường giao thông nông thôn 8/8 xã.

- Đến năm 2025: Hoàn thành đầu tư nâng cấp các tuyến đường Tỉnh lộ 722 - Trường Sơn Đông, kết nối huyện Đam Rông - Lạc Dương - Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Lắk; Tỉnh lộ 724 - kết nối huyện Đam Rông - Lâm Hà - Di Linh tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Nông; Tỉnh lộ 722, 724 được nhựa hoá đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054:2005.

- Đề xuất đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 và cao tốc Liên Khương - Buôn Mê Thuột qua địa bàn huyện Đam Rông (theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

2.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung, các đồng chí Huyện ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

3. Hạ tầng công nghiệp

3.1. Nhiệm vụ và giải pháp

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng ngành điện, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 98,5% các hộ sử dụng điện lưới quốc gia và 100% các xã đạt tiêu chí điện trong bộ tiêu chí nông thôn mới; tập trung phát triển lưới điện trung và hạ áp khu vực vùng sâu, vùng xa để cấp điện cho nhân dân; khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án nhà máy điện mặt trời trên mặt hồ chứa thủy điện Krông Nô 3 công suất 70 MW.

Tiếp tục kêu gọi đầu tư khu Công nghiệp tại xã Liêng Srônh theo Quyết định 184/UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung, các đồng chí Huyện ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

4. Hạ tầng thương mại

4.1. Nhiệm vụ và giải pháp

Huy động các nguồn lực đầu tư để phát triển hệ thống thương mại, tiếp tục phát triển chợ nông thôn; chủ động phối hợp với Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch tỉnh đẩy mạnh xúc tiến thương mại tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh gắn với xây dựng quảng bá thương hiệu. Tiếp tục kêu gọi đầu tư để xây dựng chợ Bằng Lãng trở thành Trung tâm thương mại, dịch vụ của huyện.

Triển khai thu hút đầu tư xây dựng Trạm dừng chân Bằng Lãng, Trung tâm thương mại, Chợ và bến xe Trung tâm huyện, bến xe Đạ Rsal, bến xe Đạ Tông và bến xe Đạ K'Nàng.

4.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung, các đồng chí Huyện ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

5. Hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn

5.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên các lĩnh vực, trong đó cần tập trung khai thác có hiệu quả và phát huy tiềm năng, thế mạnh của huyện về nông nghiệp, trọng tâm là phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch, quảng bá mạnh mẽ thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Đam Rông trên thị trường trong nước, quốc tế. Xây dựng mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh, bền vững để nhân rộng; hình thành các khu, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, kêu gọi các nhà đầu tư có tiềm lực, kinh nghiệm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và xây dựng các nhà máy chế biến, đóng gói, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp; tập trung thu hút các nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhà nước và nhân dân để đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện, công nghiệp chế biến để phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện.

- Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn. Huy động các nguồn lực, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân để đầu tư, khai thác công trình thủy lợi. Đầu tư xây dựng mới hồ

thủy lợi thôn Dạ Pin, xã Dạ K'Nàng; nâng cấp hồ Dạ Ri Ông, xã Rô Men. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng đập thủy lợi Bằng Lăng; Sửa chữa, nâng cấp và nạo vét các công trình thủy lợi hiện có để đảm bảo an toàn công trình và khai thác tối đa năng lực thiết kế của các công trình.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước phục vụ sản xuất, đảm bảo tiêu thoát nước trên 80% diện tích đất sản xuất vào năm 2025; Đầu tư và hoàn thiện hệ thống nước sạch 8/8 xã, đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 93,5%.

5.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung, các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

6. Phát triển hạ tầng đô thị

6.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị, đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển bền vững quy hoạch thị trấn Bằng Lăng và thị trấn Dạ R'sal đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030. Đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch theo hướng quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa chiều, đa ngành, tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội để phát triển và hoàn thành các tiêu chí đô thị loại V đối với 02 khu quy hoạch thị trấn Bằng Lăng và Dạ R'sal vào năm 2025; xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước đô thị, nước thải sinh hoạt và khu xử lý nước thải tập trung của huyện, cụm dân cư, Trung tâm y tế được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; nước thải sinh hoạt trong khu dân cư và nước thải, chất thải chăn nuôi được xử lý hợp vệ sinh trước khi thải ra môi trường.

- Mở rộng phạm vi thu gom chất thải rắn đến tất cả trung tâm các xã để xử lý; xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh; kêu gọi thu hút đầu tư nhà máy xử lý rác thải theo hướng tái chế, tái sử dụng tại thôn 1, xã Rô Men với tổng mức đầu tư khoảng 60 tỷ.

6.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung, các đồng chí Huyện ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

7. Phát triển hạ tầng giáo dục

7.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Phát triển hạ tầng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền

giáo dục. Tiếp tục củng cố mạng lưới trường lớp học theo quy hoạch; xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo tiêu chuẩn quốc gia. Phân đầu đến năm 2025 có tỷ lệ phòng học kiên cố đạt trên 95%; tỷ lệ trường Mầm non, Tiểu học và THCS đạt chuẩn quốc gia là 90%; trong đó, có trên 50% số trường đạt chuẩn mức độ 2; 100% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

- Sử dụng hợp lý, ưu tiên nguồn đầu tư của Ngân sách Nhà nước cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo; huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Chú trọng thực hiện các chính sách ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đẩy mạnh xã hội hoá thu hút đầu tư lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, xây dựng các danh mục dự án, công trình và huy động mọi nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn huyện.

7.2. Phân công: Đồng chí Bí thư Huyện ủy chỉ đạo chung; đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo nhiệm vụ phát triển hạ tầng giáo dục trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân huyện, các ban xây dựng đảng và Văn phòng Huyện ủy, các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy phối hợp tổ chức thực hiện.

8. Phát triển hạ tầng y tế

8.1. Nhiệm vụ và giải pháp

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 32-NQ/TU của Tỉnh uỷ Lâm Đồng về củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao ý thức và chất lượng khám, chữa bệnh, cải cách thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị y tế hiện đại, 100% xã duy trì và nâng cao bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

8.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung, các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

9. Phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch

9.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch hạ tầng thiết chế văn hóa thể dục thể thao, truyền thanh truyền hình giai đoạn 2020 - 2025. Phân đầu 100% xã, thôn có khu hoạt động thể dục - thể thao, có trang thiết bị, có quy chế làm việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hoạt động thể thao, hoạt động văn hóa của nhân dân.

- Có cơ chế, chính sách hợp lý bố trí đủ quỹ đất để xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Định hướng đến năm 2025 huyện

Dam Rông xây dựng và đưa vào sử dụng nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện.

- Thu hút đầu tư phát triển điểm du lịch sinh thái suối nước nóng Đạ Long, Đạ Tông, thác nước và xây dựng các điểm dừng chân và dịch vụ trên tuyến du lịch Đà Lạt - Tây Nguyên; xây dựng, giới thiệu một số loại hình du lịch tìm hiểu văn hóa các dân tộc bản địa, du lịch canh nông trên địa bàn các xã: Đạ K'Nang, Phi Liêng, Rô Men, và Đạ Long.

9.2. Phân công: Đồng chí Bí thư Huyện ủy chỉ đạo chung; đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo nhiệm vụ phát triển văn hoá thể thao và du lịch trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân huyện, các ban xây dựng đảng và Văn phòng Huyện ủy, các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy phối hợp tổ chức thực hiện.

10. Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

10.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng, phát triển hệ thống thư điện tử, các ứng dụng quản lý, điều hành, các trang thông tin điện tử, dịch vụ công trực tuyến, một cửa hiện đại để đáp ứng nhu cầu cải cách thủ tục hành chính. Tiếp nhận, xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia về công dân, đất đai, nhà ở, doanh nghiệp, phúc lợi xã hội đảm bảo liên thông, đồng bộ.

- Phấn đấu từ nay đến năm 2025 trọng tâm là phát triển kinh tế số, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số. Ưu tiên bố trí ngân sách và khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho các dự án phát triển ứng dụng khoa học công nghệ cao ở địa phương; huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, công nghệ thông tin, Internet nhằm ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin phục vụ các lĩnh vực kinh tế - xã hội như: Nông nghiệp, du lịch, tài chính, ngân hàng, công nghiệp, dịch vụ, lao động, việc làm, giao thông vận tải, y tế, giáo dục...

10.2. Phân công: Đồng chí Bí thư Huyện ủy chỉ đạo chung; đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo nhiệm vụ phát triển hạ tầng khoa học - Công nghệ trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân huyện, các ban xây dựng đảng và Văn phòng Huyện ủy, các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy phối hợp tổ chức thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Hội đồng nhân dân huyện cụ thể hoá Nghị quyết và chương trình hành động bằng các nghị quyết đầu tư công hàng năm cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông. Bổ sung chương trình giám sát các chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện với thời gian, lộ trình cụ thể, phân công trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

4. Căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ, từng đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình hành động này và kế hoạch của cấp ủy, lĩnh vực phụ trách.

5. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch thường xuyên quán triệt phổ biến, tuyên truyền các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết và Chương trình hành động.

6. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy bổ sung chương trình giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết 19-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Huyện ủy.

7. Văn phòng Huyện ủy phối hợp với các Ban xây dựng đảng, các cơ quan liên quan giúp Huyện ủy theo dõi, đôn đốc, việc triển khai thực. định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- TT HU, TT HĐND,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Các ban xây dựng Đảng,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành của huyện,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Lộc